

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA VÌ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **300/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 31/7/2024

“*V/v: Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phúc Thịnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Hoan; Ông Nguyễn Xuân Thuật.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/7/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Viết K, sinh năm 1984
- Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn T, huyện B, TP. Hà Nội

( Anh K và chị T có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Nguyễn Viết K trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Viết K kết hôn với chị Phạm Thị Thu T ngày 14/3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, không bị ai lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thị trấn T. C sống

hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T theo đạo kinh thánh Nhân chứng Giê – hô – va. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh K ly hôn chị T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Việt C1, sinh ngày 04/7/2015 và Nguyễn Việt K1, sinh ngày 01/11/2016. Hiện hai cháu đang ở cùng anh K. Khi ly hôn anh K có nguyện vọng nuôi cả hai con đến trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Phạm Thị Thu T, trình bày:* Chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Việt K kết hôn ngày 14/3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, không bị ai lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thị trấn T. C sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T theo đạo kinh thánh Nhân chứng Giê – hô – va. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị T vẫn về thăm nom chồng, chăm sóc con và gia đình nội ngoại hai bên. Nhưng vì chị T theo đạo nên anh K không đồng ý cho chị T về nhà, dẫn đến vợ chồng ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, có nguyện vọng đoàn tụ. Nếu anh K kiên quyết ly hôn, chị T vẫn giữ quan điểm đoàn tụ.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Việt C1, sinh ngày 04/7/2015 và Nguyễn Việt K1, sinh ngày 01/11/2016. Hiện hai cháu đang ở cùng bố. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi một cháu đến trưởng thành, để anh K nuôi một cháu và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xác minh, UBND thị trấn T cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Việt K kết hôn với chị Phạm Thị Thu T ngày 14/3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, không bị ai lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thị trấn T. C sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T theo đạo kinh thánh Nhân chứng Giê – hô – va dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không giải quyết được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh K xin ly hôn chị T, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh K và chị T có 02 con chung là Nguyễn Viết C1, sinh ngày 04/7/2015 và Nguyễn Viết K1, sinh ngày 01/11/2016. Hiện hai cháu đang ở cùng bố. Khi ly hôn, việc giao con cho ai nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, xem xét đến nguyện vọng của con trên 7 tuổi và tính ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dạy con. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm được.

\* *Tại phiên tòa:* Anh K giữ nguyên quan điểm và trình bày chị T theo đạo kinh thánh Nhân chứng Giê – hô – va, bỏ bê, không chăm sóc con cái và gia đình, không thờ cúng tổ tiên, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không giải quyết được, đến nay chị T vẫn theo đạo, anh K kiên quyết ly hôn. Chị T giữ nguyên quan điểm muốn đoàn tụ và trình bày kiên quyết không bỏ đạo kinh thánh Nhân chứng Giê – hô – va.

Đại diện Viện kiểm sát có bài phát biểu tại phiên tòa: Về trình tự tố tụng giải quyết vụ án được TAND huyện Ba Vì tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự. Từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý, lấy lời khai và ra quyết định xét xử, tổng đạt, các văn bản tố tụng đều hợp lệ và đều đảm bảo đúng quy trình tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử: Cho anh Nguyễn Viết K được ly hôn chị Phạm Thị Thu T. Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Viết C1, sinh ngày 04/7/2015 và Nguyễn Viết K1, sinh ngày 01/11/2016. Đề nghị giao cháu C1 và cháu K1 cho anh Nguyễn Viết K nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu, thay đổi khác. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với chị Phạm Thị Thu T cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chưa xem xét. Về án phí: Anh Nguyễn Viết K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Phạm Thị Thu T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn T, huyện B, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Viết K và chị Phạm Thị Thu T là hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND thị trấn T ngày

14/3/2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T theo đạo kinh thánh Nhân chứng Giê – hô – va. Nay anh K xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn chị T. Chị T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T có nguyện vọng đoàn tụ và kiên quyết không bỏ đạo kinh thánh Nhân chứng Giê – hô – va. HĐXX xét thấy, xuất phát từ việc chị T theo đạo kinh thánh Nhân chứng Giê – hô – va dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, không chia sẻ được với nhau, không hiểu nhau, chị T có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không giải quyết được, anh K và chị T đã ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, cho anh K được ly hôn chị T là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Viết C1, sinh ngày 04/7/2015 và Nguyễn Viết K1, sinh ngày 01/11/2016. Khi ly hôn, anh K có nguyện vọng nuôi cả hai cháu C1 và K1 đến trưởng thành, chị T có nguyện vọng nuôi một cháu đến trưởng thành. Xét thấy, hai cháu đang ở ổn định cùng với anh K, được anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai cháu đã trên 7 tuổi đều có nguyện vọng ở cùng anh K. Vì lợi ích của con, giao cả hai cháu C1 và K1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh K không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T cho đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chưa xem xét

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Viết K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Q.

#### **Xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Viết K đối với chị Phạm Thị Thu T. Cho anh Nguyễn Viết K được ly hôn với chị Phạm Thị Thu T.

[2]. Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Viết C1, sinh ngày 04/7/2015 và Nguyễn Viết K1, sinh ngày 01/11/2016.

Giao cháu Nguyễn Viết C1 và Nguyễn Viết K1 cho anh Nguyễn Viết K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu, thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Phạm Thị Thu T cho đến khi cháu Nguyễn Viết C1, Nguyễn Viết K1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Phạm Thị Thu T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[3]. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chưa xem xét

[4]Về án phí: Anh Nguyễn Viết K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Viết K đã nộp tại biên lai số: 0014020 ngày 18/3/2024 tại Chi cục Thi hành án huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

[5]. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Viết K, chị Phạm Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND thị trấn TĐ
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nguyễn Phúc Thịnh***



